TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

DANH SÁCH THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

Thời gian : **Đợt 10 - năm 2022 (Ngày thi: 09.10.2022)** - Kỹ năng : **Nghe, Đọc, Viết**

Giám thị 1:……..……Giám thị 2:……...……Phòng thi số : **403**

Stt	Mã sinh viên	Họ và	tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm		Số tờ	Ký tên
						Số	Chữ		
1	201902043	LÊ THU	PHƯƠNG	22/12/2001	K8-TN				
2	2018010048	LƯƠNG THU	PHƯƠNG	26/05/2000	K7-D				
3	2019040153	BẾ THỊ	THẮM	06/07/2001	K8-L2				
4	2019040154	CHÁNG VĂN	THẮNG	05/08/2000	K8-L2				
5	2019040155	LƯƠNG QUANG	THẮNG	17/08/2001	K8-L3				
6	2018060042	PHÙNG THỊ HUYỀN	THANH	03/07/2000	K7-CC				
7	2019010030	MA THỊ PHƯƠNG	THẢO	27/11/2001	K8-D				
8	201906095	VŨ NGỌC	THẢO	27/03/2001	K8-CC2				
9	2019010032	NGÔ THẾ	THỊNH	14/05/2000	K8-D				
10	2019040165	NGUYỄN THỊ	THUỲ	17/04/2001	K8-L2				
11	2019040167	NGUYỄN DƯƠNG THU	THỦY	02/10/2000	K8-L1				
12	2019040169	MẠC MINH	TIẾN	06/12/2001	K8-L2				
13	2019040170	PHẠM QUỐC	TOẢN	05/03/2001	K8-L3				
14	2019040172	ĐINH PHƯƠNG	TRANG	29/07/2001	K8-L3				
15	201902056	LƯƠNG THỊ QUỲNH	TRANG	06/05/2001	K8-TN				
16	201906107	TRẦN THỊ THU	TRANG	26/11/2001	K8-CC2				
17	201906109	LÊ VIỆT	TRINH	13/06/2001	K8-CC2				
18	201902058	ĐINH ANH	TÚ	11/06/2001	K8-TN				
19	2019050047	CHU ĐỨC	TUYỂN	18/10/2001	K8-NN				
20	2018040120	ĐỖ HỮU	VIỆT	27/10/2000	K7-L2				
21	2019040186	CẤN VĂN	VŨ	08/06/2001	K8-l3				
22	2018040121	VÌ TRIỆU	VY	04/08/2000	K7-L1				
23	2018030087	VỪ A	XAY	13/02/1997	K7-XH1				
24	2019040189	ĐỖ THỊ HẢI	YẾN	23/09/2001	K8-L3				

Tổng số : bài/ tờ

GIÁM THỊ 1 **GIÁM THỊ 2** **PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ CÔNG TÁC SINH VIÊN**